

Bản án số: 215/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 28-6-2021

V/v *Ly hôn*

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN CẨM LỆ, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

**- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Hữu Hưng.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Trần Đức Hiếu.

Ông Mai Văn Du.

**- *Thư ký phiên tòa:*** Bà Đặng Thị Thảo Vân - Thư ký Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng.

**- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng:***  
Bà Trần Lê Phụng - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 6 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 142/2021/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 5 năm 2021 về việc “*Ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 62a/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 11/6/2021 giữa:

- Nguyên đơn: Ông Huỳnh Hùng S, sinh năm 1975. Địa chỉ: đường H14, quận L, tp. Đà Nẵng. Có mặt.

- Bị đơn: Bà Phạm Thị L, sinh năm: 1991. Địa chỉ: đường H14, quận L, tp. Đà Nẵng. Vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

*Trong đơn khởi kiện, bảng tự khai, và quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn ông Huỳnh Hùng S trình bày:*

*Về quan hệ hôn nhân:* Ông S và bà Phạm Thị L kết hôn vào năm 2011, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Khuê Trung, quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng. Hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại địa chỉ: đường H14, quận L, tp. Đà Nẵng. Trong quá trình chung sống, đến khoảng tháng 5/2014 thì vợ chồng nảy sinh mâu thuẫn. Bà L đã bỏ nhà đi từ tháng 4/2020 và ông S không thể liên lạc được. Nay ông S xác định mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, vợ chồng không còn tình cảm, cuộc sống

chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án cho ông S được ly hôn với bà Phạm Thị L.

Về con chung: Ông bà không có con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông Huỳnh Hùng S xác định vợ chồng không có tài sản chung và không yêu cầu tòa án giải quyết.

*Đối với bị đơn bà Phạm Thị L :* Mặc dù bà L đã được Tòa án tổng đạt và niêm yết trên các phương tiện thông tin đại chúng các văn bản tố tụng như: Thông báo thụ lý, Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa. nhưng bà Phạm Thị L vẫn vắng mặt không có lý do.

Tại biên bản xác minh, Tổ trưởng tổ dân phố cũng xác định ông Huỳnh Hùng S và bà Phạm Thị L vẫn chung sống tại địa chỉ trên nhưng cuộc sống không hạnh phúc, thường xuyên mâu thuẫn nghiêm trọng, không ai quan tâm đến ai. Bà Phạm Thị L đã bỏ nhà đi khỏi địa phương từ đầu năm 2020 còn ông S vẫn sống tại tổ 42, phường Khuê Trung, quận Cẩm Lệ, tp. Đà Nẵng

*\* Phát biểu của đại diện Viện Kiểm sát tham gia phiên tòa:*

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đúng trình tự quy định của pháp luật. Đối với các đương sự, trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án, nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định pháp luật. Bị đơn chưa thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, Điều 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Quan điểm giải quyết vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Huỳnh Hùng S đối với bà Phạm Thị L.

Về nuôi con chung: Ông bà không có con chung nên đề nghị không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông S xác định vợ chồng không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị HĐXX không xem xét.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, sau khi nghe ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1]Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Theo đơn khởi kiện thì nguyên đơn khởi kiện đối với bà Phạm Thị L để yêu cầu ly hôn, không yêu cầu giải quyết về con chung, tài sản chung và nợ chung. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 1 Điều 51 Luật Hôn nhân và Gia đình, quan hệ pháp luật tranh chấp là “*Ly hôn*”.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Theo đơn khởi kiện, sổ hộ khẩu và biên bản xác minh của Tòa án thì tại thời điểm khởi kiện, bà Phạm Thị L có hộ khẩu tại địa chỉ: đường H14, quận L, tp. Đà Nẵng. Do đó, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS, Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[1.3] Về việc giải quyết vắng mặt bị đơn: Bị đơn bà Phạm Thị L đã được thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng các văn bản tố tụng của tòa án nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, căn cứ khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà Phạm Thị L.

[2] Về nội dung.

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

Ông Huỳnh Hùng S và bà Phạm Thị L tự nguyện kết hôn vào năm 2011, theo Giấy chứng nhận kết hôn số 48/2011 quyển số 01/2011 do Ủy ban nhân dân phường Khuê Trung, quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng cấp ngày 28/4/2011. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại địa chỉ: đường H14, quận L, tp. Đà Nẵng. Đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Xét yêu cầu ly hôn của ông Huỳnh Hùng S, HĐXX nhận thấy:

Sau khoảng thời gian sống chung, vợ chồng ông bà đã phát sinh mâu thuẫn từ năm 2014. Nguyên nhân là do vợ chồng không hợp quan điểm, tính tình, vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau và bà Phạm Thị L đã đi khỏi nhà từ tháng 4/2020 đến nay vẫn không liên lạc được. Trong quá trình giải quyết vụ án, mặc dù tòa án đã tiến hành thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng nhưng bà Phạm Thị L vắng mặt không rõ lý do. Theo xác minh tại địa phương thì bà L đã đi khỏi địa phương từ đầu năm 2020 và đến nay không rõ đi đâu, làm gì. Điều này thể hiện bà Phạm Thị L không có ý định tiếp tục cuộc sống hôn nhân với ông Huỳnh Hùng S. Xét mâu thuẫn trong cuộc sống hôn nhân giữa ông Huỳnh Hùng S và bà Phạm Thị L đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được và ông Huỳnh Hùng S xác định không còn tình cảm với bà Phạm Thị L nên căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, HĐXX chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông Huỳnh Hùng S đối với bà Phạm Thị L.

[2.2] Về con chung và cấp dưỡng: Ông Huỳnh Hùng S xác định vợ chồng không có con chung nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Tại phiên tòa, ông Huỳnh Hùng S xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[3] HĐXX nhận thấy đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng phù hợp với phân tích nêu trên nên chấp nhận.

[4] Về án phí: Ông Huỳnh Hùng S phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

[5] Về chi phí đăng thông tin trên phương tiện thông tin đại chúng: Ông Huỳnh Hùng S tự nguyện chịu.

*Vì các lẽ trên,*

## **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ vào:

- Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 271, 272 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình;
- Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Huỳnh Hùng S đối với bà Phạm Thị L.

1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Huỳnh Hùng S được ly hôn với bà Phạm Thị L (Giấy chứng nhận kết hôn số 48/2011 quyền số 01/2011 do Ủy ban nhân dân phường Khuê Trung, quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng).

2. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm:

Ông Huỳnh Hùng S phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0008787 ngày 04/5/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng. Ông S đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

3. Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự*

*nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- Chi cục THADS quận Cẩm Lệ;
- VKSND quận Cẩm Lệ;
- UBND P. Khuê Trung;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Nguyễn Hữu Hưng**